

Bài phát biểu của Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lê Khánh Hải tại lớp Tập huấn ngành Di sản văn hóa năm 2010

Lời Tòà soạn:

Vinh dự cho lớp tập huấn, đã được Thứ trưởng phụ trách ngành tới dự và cho chỉ thị về công việc của ngành trong tương lai. Tạp chí Di sản văn hóa xin đăng toàn văn bài phát biểu của Thứ trưởng để tất cả chúng ta cùng thực hiện.

Kính thưa quý vị đại biểu.

Kính thưa toàn thể các đồng chí.

Tôi vừa được Bộ trưởng phân công nhiệm vụ giúp Bộ trưởng chỉ đạo lĩnh vực công tác di sản văn hóa và hôm nay, nhân lễ khai mạc lớp Tập huấn toàn quốc ngành Di sản văn hóa năm 2010, được gặp mặt đông đủ các đồng chí là đại diện lãnh đạo các đơn vị trong ngành tham dự lớp tập huấn. Thay mặt Lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tôi chân thành gửi tới toàn thể các quý vị đại biểu, các đồng chí lời chúc sức khỏe và lời chào nồng nhiệt nhất.

Thưa toàn thể các đồng chí.

Trong thời gian qua, đặc biệt là trong năm 2010, hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa đã diễn ra trong bối cảnh có nhiều thuận lợi lớn: Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam và Phong trào thi đua yêu nước của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch được triển khai rộng khắp trên phạm vi toàn quốc, thu hút được sự tham gia tích cực của các cấp, các ngành; tổ chức các hoạt động chào mừng Đại lễ Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội và các ngày lễ lớn trong năm 2010, chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng... Trong bối cảnh đó, ngành Di sản văn hóa đã triển khai kịp thời các mặt công tác quản lý nhà nước, tổ chức hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, đạt được nhiều thành tích quan trọng. Bằng sự tập trung trí tuệ và kinh nghiệm công tác của đội ngũ cán bộ trong toàn ngành, chúng ta đã chủ trì, tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 98 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa; ban hành Thông tư quy định về kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lập



hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể để đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác cũng đang được triển khai xây dựng. Chúng ta cũng đã kịp thời tổ chức lập và đệ trình hồ sơ khoa học để UNESCO ghi danh di tích Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long là Di sản văn hóa thế giới vào đúng dịp tổ chức Đại lễ Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Trên phạm vi toàn quốc, toàn ngành Di sản văn hóa cũng đã tổ chức tốt hàng loạt các hoạt động lớn thiết thực chào mừng các lễ kỷ niệm: 80 năm ngày thành lập Đảng, 35 năm ngày Giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 65 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2 - 9 và đỉnh cao là chuỗi các hoạt động chào mừng Đại lễ Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội...

Thay mặt lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tôi ghi nhận và biểu dương những thành tích xuất sắc mà ngành Di sản văn hóa đã đạt được trong năm qua. Đồng thời, để tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong thời gian tới, tôi đề nghị toàn ngành Di sản văn hóa cần tập trung triển khai tốt nhất một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Tăng cường công tác giáo dục, bồi dưỡng nhằm nâng cao nhận thức và đổi mới tư duy đội ngũ cán bộ, công chức trong ngành và của toàn xã hội về vị trí, vai trò và định hướng phát triển sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XI của Đảng và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2011 - 2015).

2. Kịp thời quán triệt trong toàn ngành và phổ biến sâu rộng trong toàn xã hội Nghị định số 98 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa, Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể để đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia,... đồng thời triển khai nghiêm túc, hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật này trong hoạt động thực tiễn.

3. Tập trung hoàn thành đúng thời gian, chất lượng việc xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật di sản văn hóa, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

4. Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích, trong đó, đặc biệt chú trọng việc tổ chức học tập, phát huy kinh nghiệm có được từ những công trình tu bổ di tích có chất lượng cao như đình Chu Quyến; chấn chỉnh và xử lý kịp thời việc tu bổ di tích không đảm bảo chất lượng, gây nên những bức xúc trong dư luận xã hội.

5. Triển khai có chất lượng và hiệu quả công tác kiểm kê di tích và kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể ở các địa phương; chú trọng việc tổng kết, đúc rút kinh nghiệm từ thực tiễn công tác kiểm kê để không ngừng mở rộng và nâng cao chất lượng công tác kiểm kê di sản văn hóa trong những năm tới.

6. Tập trung triển khai tốt nhất quy hoạch tổng thể hệ thống bảo tàng Việt Nam đến năm 2020; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của các bảo tàng; huy động trí tuệ, tâm huyết của toàn ngành đóng góp cho việc triển khai xây dựng Bảo tàng Lịch sử Quốc gia.

7. Tiếp tục chủ động, tích cực mở rộng hội nhập quốc tế trên lĩnh vực di sản văn hóa.

Tôi tin tưởng và hy vọng rằng, với sự tập trung trí tuệ, tình cảm, sức mạnh của toàn ngành và những điều kiện thuận lợi của đất nước trên chặng đường đổi mới, phát triển, chúng ta sẽ hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ trọng tâm trên đây, đưa sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa không ngừng phát triển.

Chúc lớp tập huấn thành công.

Chúc toàn thể quý vị đại biểu, các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc./.

Ngày Di sản văn hóa Việt Nam, 23/11/2010

Di sản văn hóa Việt Nam là tài sản vô giá, có sức lan toả mãnh liệt, sức sống lâu bền. Di sản văn hoá đã ngày càng được khẳng định về vị trí và vai trò quan trọng của nó trong đời sống xã hội và sự phát triển của đất nước.

Trong năm 2010, ngành Di sản văn hóa đã tham gia tổ chức hiệu quả hàng loạt hoạt động lớn trên toàn quốc thiết thực chào mừng *80 năm ngày thành lập Đảng, 35 năm ngày Giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 65 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9* và đỉnh cao là chuỗi hoạt động chào mừng *Đại lễ Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội...* Bằng sự tập trung trí tuệ và kinh nghiệm công tác của đội ngũ cán bộ trong toàn ngành, chúng ta đã tham mưu trình Chính phủ ban hành *Nghị định số 98 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa; Thông tư quy định về kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể để đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia*; nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác về hoạt động bảo tàng, tu bổ di tích cũng đang được triển khai xây dựng. Các bảo tàng, ban quản lý di tích đã từng bước đổi mới phương thức hoạt động, tăng cường trao đổi, liên kết và phối hợp tạo nên sự chuyển biến mới trong ngành. Năm qua, di tích Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long đã được đón nhận danh hiệu cao quý: Di sản văn hóa thế giới.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, sự nghiệp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa cũng đang đối diện với nhiều sức ép của quá trình toàn cầu hóa, thương mại hóa; vấn đề xung đột giữa bảo tồn và phát triển, truyền thống và hiện đại, dân tộc và quốc tế...; hiện tượng lấn chiếm, vi phạm di tích, trộm cắp cổ vật; nhiều di tích đang bị xuống cấp nhưng chưa được tu bổ hoặc được tu bổ nhưng chưa đạt yêu cầu về chất lượng; chỉ chú ý tới mục tiêu kinh tế mà chưa chú trọng tới mục tiêu văn hóa trong việc khai thác di tích, lễ hội vẫn còn diễn ra ở nhiều nơi; bảo tàng chưa thực sự là “trường học”, là nơi tham quan bổ ích và hấp dẫn của đông đảo nhân dân, nhất là thanh thiếu niên. Đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn còn thiếu; các nghệ

sĩ, nghệ nhân, những người nắm giữ bí quyết/kỹ năng trong các lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể phần đông đều đã cao tuổi nhưng công tác đào tạo, truyền dạy đội ngũ kế thừa chưa thực sự được chú ý. Bên cạnh đó, sự khắc nghiệt của thiên nhiên, biến đổi khí hậu đang tác động xấu đến kho tàng di sản văn hóa...

Trên chặng đường bảo vệ giá trị văn hóa của dân tộc, ngành Di sản văn hóa luôn nhận được sự quan tâm to lớn của Đảng và Nhà nước, của Lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, của các ngành, các cấp, của đông đảo quần chúng nhân dân và của các cơ quan thông tin đại chúng... Vô vàn nhiệm vụ đang đặt ra, một số nhiệm vụ trọng tâm được xác định là: đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành và tiếp tục hoàn thiện để ban hành thêm nhiều văn bản mới; tiếp tục tiến hành việc kiểm kê một cách có kế hoạch các di tích và di sản văn hóa phi vật thể trên toàn quốc; tăng cường công tác quản lý lễ hội, tu bổ di tích đúng nguyên tắc, đúng quy trình; đổi mới hơn nữa các hoạt động bảo tàng cho phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội; nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ cán bộ để đáp ứng được yêu cầu thực tiễn hiện nay, đưa sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa phát triển, góp phần quan trọng vào việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Nhân dịp Ngày Di sản văn hóa Việt Nam, 23 tháng 11 năm 2010, xin gửi tới những tấm lòng Yêu mến - Tâm huyết - Trách nhiệm với di sản văn hóa, lời tri ân và lời chúc sức khỏe, hạnh phúc./.

CỤC TRƯỞNG CỤC DI SẢN VĂN HÓA
NGUYỄN THẾ HÙNG



Thú trưởng Lê Khánh Hải cùng một số lãnh đạo ngành Di sản văn hóa cắt băng khai mạc Ngày Di sản văn hóa Việt Nam, 23/11/2010 tại Triển lãm Văn Hồ -

Ảnh: T.L

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*

Sau khi thống nhất đất nước, từ ngày 31/1 đến ngày 4/2/1977, tại thành phố Hồ Chí Minh, đại hội Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam quyết định thống nhất 3 tổ chức Mặt trận ở hai miền, lấy tên chung là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đây là đại hội lịch sử, biểu dương thắng lợi to lớn của khối đại đoàn kết dân tộc, là cái mốc đánh dấu bước phát triển mới của Mặt trận dân tộc thống nhất trong giai đoạn mới của cách mạng. Đại hội đã thông qua chương trình chính trị và điều lệ mới nhằm đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, phát huy nhiệt tình cách mạng và tinh thần làm chủ, động viên nhân dân hăng hái tham gia xây dựng và củng cố chính quyền ở miền Nam, xây dựng Hiến pháp chung của cả nước; tổ chức bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, hàn gắn vết thương chiến tranh, khắc phục thiên tai, phát triển kinh tế v.v.

Để Mặt trận hoạt động ngày càng đạt hiệu quả thiết thực, khắc phục những nhận thức

không đúng về Mặt trận, nhằm nêu cao vai trò tác dụng của Mặt trận trong đời sống chính trị xã hội, Chỉ thị số 17 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá V), ngày 18/4/1983 về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn mới" đã chỉ rõ: "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn nhất, vừa có tính chất liên hiệp rộng rãi, vừa có tính quần chúng sâu sắc. Mặt trận đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân lao động là sợi dây nối liền các tầng lớp xã hội rộng rãi với Đảng, là chỗ dựa vững chắc của Nhà nước".

- Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ II (từ 12 đến 14/5/1983) đã thông qua chương trình hành động và ra lời kêu gọi đồng bào chiến sĩ cả nước đoàn kết phấn đấu khắc phục khó khăn, vượt qua thử thách, góp sức cùng với Đảng và Nhà nước tìm ra những giải pháp có hiệu quả để đưa đất nước tiến lên. Chương trình hành động của Đại hội hướng mọi hoạt động của Mặt trận vào những vấn đề thiết thực, hướng về cơ sở, tới địa bàn

dân cư và những vấn đề đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận.

- Đại hội lần thứ III Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (họp từ ngày 2 đến ngày 4/11/1988) là Đại hội thực hiện công cuộc đổi mới do Đại hội VI (1986) của Đảng đề ra. Phương hướng tăng cường và đổi mới công tác Mặt trận được đại hội nêu ra là:

+ Mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân; mở rộng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về hoạt động và về tổ chức nhằm tập hợp mọi lực lượng, mọi khả năng phấn đấu vì sự phồn vinh của đất nước, vì hạnh phúc của nhân dân.

+ Hướng hoạt động của Ủy ban Mặt trận các cấp đi vào thực hiện một cách thiết thực các nhiệm vụ quan trọng và cấp bách của đất nước, của địa phương, của cuộc sống, tập trung vào việc vận động nhân dân tham gia xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng chính quyền nhân dân và thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

+ Phát huy tinh thần chủ động sáng tạo, tự lực vươn lên; ra sức khai thác mọi tiềm năng và các điều kiện thuận lợi, khắc phục khó khăn, tự đổi mới và góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới chung của đất nước.

Đại hội III Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là "sự biểu dương lực lượng to lớn của toàn dân, đoàn kết một lòng tiến hành công cuộc đổi mới" (Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tại Đại hội).

Nhiệm kỳ III của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam diễn ra trong điều kiện các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về Mặt trận ngày càng được cụ thể hoá:

Đại hội lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã bổ sung, phát triển và hoàn thiện đường lối đổi mới dựa trên sự lựa chọn duy nhất đúng đắn, là kiên trì mục tiêu và con đường xã hội chủ nghĩa. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã khẳng định "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" và xác định: "Mặt trận Tổ quốc Việt

Nam là liên minh chính trị của các đoàn thể nhân dân và của cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo Mặt trận".

Sau Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng, Nhà nước đã đẩy mạnh việc thể chế hoá vai trò, vị trí trách nhiệm của Mặt trận trên một số lĩnh vực hoạt động. *Hiến pháp (sửa đổi) 1992*; các đạo luật như: *Luật bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Luật tổ chức Quốc hội, Luật tổ chức Chính phủ, Luật tổ chức toà án nhân dân v.v.* không những cụ thể hoá vai trò, thẩm quyền, trách nhiệm của Mặt trận trong việc tham gia phối hợp mà còn ghi rõ các cơ quan hữu quan có trách nhiệm phối hợp với Mặt trận trong khi thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Ngày 17/11/1993, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng đã ra *Nghị quyết 07 NQ/TW* về "Đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất". Nghị quyết đã đề ra 4 chủ trương lớn, đồng thời là 4 quan điểm cơ bản chỉ đạo quá trình tăng cường và mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc và tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Quán triệt Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị, Đại hội lần thứ IV Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (họp từ ngày 17 đến 19/8/1994) đã đề ra phương hướng tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận nhằm làm tốt hơn nữa chức năng đoàn kết dân tộc, tập hợp mọi lực lượng tán thành sự nghiệp đổi mới vì mục tiêu độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, phấn đấu sớm thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, tiến lên dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh. Đại hội IV Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã công bố Chương trình 12 điểm về "Đại đoàn kết dân tộc xây dựng và bảo vệ đất nước". Chương trình Mặt trận chính là những nhận định hướng về chính sách đoàn kết với mọi người Việt Nam, đối với từng giai cấp và

tầng lớp xã hội nhằm đoàn kết rộng rãi mọi người Việt Nam không phân biệt quá khứ và ý thức hệ vì mục tiêu chung, xoá bỏ định kiến, mặc cảm hận thù, chân thành đoàn kết, hoà thành một khối thống nhất để chiến thắng nghèo nàn lạc hậu đưa đất nước tiến lên trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Thực hiện các nghị quyết Đại hội VIII, Đại hội IX của Đảng và chương trình Mặt trận Tổ quốc Việt Nam "Đại đoàn kết dân tộc xây dựng và bảo vệ đất nước", các tầng lớp nhân dân ta đã đoàn kết phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, thách thức tiếp tục giành được những thành tựu mới trong công cuộc đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đưa đất nước bước vào một thời kỳ phát triển mới; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Kỳ họp thứ V Quốc hội khoá X đã thông qua *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* tạo cơ sở pháp lý quan trọng để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoạt động có hiệu quả, mở rộng về tổ chức và hoạt động, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy vị trí, vai trò của Mặt trận trong đời sống chính trị-xã hội.

Nhằm đưa Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị vào cuộc sống và cụ thể hoá Chương trình 12 điểm "Đại đoàn kết dân tộc xây dựng và bảo vệ đất nước", Hội nghị lần thứ 2 Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (khoá IV) đã quyết định mở cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư". Ngày 3/5/1995, Ban Thường trực Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ra Thông tri 04 hướng dẫn thực hiện Cuộc vận động (nay là cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư"). Cuộc vận động ra đời thực sự hợp ý Đảng, lòng dân, được nhân dân các khu dân cư trên cả nước nhiệt tình hưởng ứng. Cuộc vận động đã thiết thực góp phần tăng cường, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân ở khu dân cư, đổi mới công tác Mặt trận và trở thành nhiệm vụ công tác trọng tâm, thường xuyên của các cấp Mặt trận.

- Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ V (họp từ ngày 26 đến 28/8/1999) là đại hội mà nhiệm kỳ hoạt động của Mặt trận ở trong thời điểm chuyển tiếp giữa hai thế kỷ, hai thiên niên kỷ, đánh dấu cột mốc quan trọng trong việc thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất trong thời kỳ phát triển mới của đất nước, là Đại hội phát huy tinh thần yêu nước, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tháng 10/2000, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động cuộc vận động "Ngày vì người nghèo". Từ đó đến nay Mặt trận Tổ quốc các cấp đã chủ động thực hiện tốt vai trò phối hợp và thống nhất hành động với các thành viên; với chính quyền, các doanh nghiệp, doanh nhân, các nhà hảo tâm; phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí, các phương tiện truyền thông tăng cường tuyên truyền, vận động các điển hình cá nhân và tập thể tích cực tham gia cuộc vận động "Ngày vì người nghèo", Tháng cao điểm "Vì người nghèo" và Chương trình "Nối vòng tay lớn" hàng năm để xây dựng Quỹ "Vì người nghèo". Góp sức cùng với sự hỗ trợ cho 62 huyện nghèo nhất; tiếp tục xây mới, sửa chữa và trao nhà Đại đoàn kết cho các hộ nghèo, sớm xoá xong tình trạng nhà ở dột nát cho hơn 500.000 hộ nghèo trong cả nước. Đồng thời, xây dựng các công trình phúc lợi công cộng; mở rộng các hình thức cho vay, hỗ trợ các hộ nghèo về sản xuất, khám chữa bệnh và học hành, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo.

- Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VI (họp từ ngày 21/9 đến 23/9/2004) là đại hội đầu tiên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới, là sự kiện chính trị quan trọng của đất nước ta, đánh dấu một thời kỳ phát triển quan trọng của dân tộc ta: thời kỳ đẩy mạnh công

nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước trong xu thế hội nhập và phát triển là Đại hội "Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao vai trò Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Trên cơ sở các nghị quyết, các chỉ thị của Đảng qua các kỳ đại hội, Đại hội lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định những quan điểm cơ bản của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất như sau:

Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

Lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

Xoá bỏ mọi mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp. Tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc;

Đề cao truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau vì sự ổn định chính trị và đồng thuận xã hội;

Đại đoàn kết toàn dân tộc là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, mà trước hết là trách nhiệm của Đảng. Đường lối đúng đắn của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của nhân dân là yếu tố quan trọng hàng đầu để khơi dậy và phát huy sức mạnh toàn dân tộc;

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong việc tập

hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, nguyện vọng chính đáng của nhân dân; đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh thành hoạt động thực tiễn sinh động trong cuộc sống của nhân dân;

Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội.

- Từ quý II - 2008 đến quý III - 2009, Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tiến tới Đại hội toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VII được tiến hành thống nhất trong toàn quốc từ cấp cơ sở lên, tạo thành đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng từ các khu dân cư, góp phần nâng cao nhận thức về sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc, về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; qua quá trình chuẩn bị và tổ chức Đại hội đã tạo thành đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong hệ thống chính trị và trong các tầng lớp nhân dân; đẩy mạnh các phong trào hành động cách mạng hướng vào mục tiêu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của mỗi địa phương và cả nước, cùng Đảng và Nhà nước vượt qua khó khăn thách thức, kiểm chế lạm phát, ngăn chặn suy giảm, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội và duy trì tăng trưởng kinh tế hợp lý.

- Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VII (họp từ ngày 28/9-30/9/2009) được tiến hành với chủ đề: "Nâng cao vai trò Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy dân chủ, góp phần tăng cường đồng thuận xã hội vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Đại hội, là sự kết tinh trí tuệ, nhiệt huyết và trách nhiệm của các cấp Mặt trận, các tổ chức thành viên, của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân đối với sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đại hội đã đề ra mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và

chương trình hành động nhiệm kỳ 2009 - 2014 và chính thức phát động phong trào thi đua yêu nước để hướng tới kỷ niệm Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, 80 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 80 năm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam và các ngày lễ lớn của đất nước, tiến tới Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ VIII vào năm 2010.

Từ Hội phần để đồng minh - hình thức tổ chức đầu tiên của Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam, đến nay là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã trải qua lịch sử 80 năm xây dựng và không ngừng phát triển cùng với những chặng đường lịch sử vẻ vang của cách mạng Việt Nam. Ở mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn cách mạng, Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam có những hình thức, tên gọi khác cho phù hợp với nhiệm vụ nhưng đều nhằm mục đích xây dựng, tập hợp các tầng lớp nhân dân thành một khối đoàn kết, thống nhất về ý chí và hành động, tạo thành sức mạnh dời non, lấp bể của cả dân tộc để hoàn thành những mục tiêu cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo thực hiện.

Xứng đáng với truyền thống vẻ vang của Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày nay nêu cao vai trò, trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, không ngừng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu của Đại hội lần thứ VII Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề ra là: Tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự lực, tự cường; phát huy dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, tạo thành sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần thực hiện thắng lợi cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, lần thứ XI; giữ vững độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ vì mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Để đạt được mục tiêu trên đây, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên thống nhất hành động, quyết tâm phấn đấu thực hiện 5 nhiệm vụ cụ thể như sau:

Tiếp tục thực hiện đa dạng hoá các hình thức vận động, tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

Động viên các tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia phong trào thi đua yêu nước, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh;

Vận động nhân dân phát huy quyền làm chủ và giữ gìn kỷ cương, phép nước, tích cực tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch vững mạnh; nâng cao vai trò và trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận và các tổ chức thành viên trong việc chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội gắn với yêu cầu tăng cường sự đồng thuận xã hội;

Mở rộng hoạt động đối ngoại nhân dân và tăng cường đoàn kết, hữu nghị, hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại;

Kiên toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp.

Kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam chúng ta càng tự hào về truyền thống yêu nước, đại đoàn kết của toàn dân tộc, là nhân tố cơ bản để thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh./.

Chú Thích:

* Trích: *Tài liệu tuyên truyền Kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam (18 - 11 - 1930 - 18 - 11 - 2010).*

Tìm hiểu cách tiếp cận trong tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

ĐỖ HUY

Trong số các di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta có một di sản chứa đầy khát vọng mà trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Người luôn luôn hướng tới với một nỗ lực phi thường tìm hiểu nó, thực hiện nó, rồi lại tìm hiểu tiếp, khám phá tiếp, thực hiện tiếp. Đó là tư tưởng về chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng về chủ nghĩa xã hội trong hệ tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống tư tưởng chứa đầy lý tưởng. Nó không chỉ là một học thuyết khoa học, một chế độ xã hội hiện thực, một nền sản xuất hùng mạnh, một quan hệ sản xuất không có người áp bức bóc lột người... mà nó còn là sự vận động toàn diện của một cuộc cách mạng xã hội. Đối với nhân dân Việt Nam "cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc biến đổi khó khăn nhất và sâu sắc nhất"¹ trong mấy ngàn năm của lịch sử dựng nước và giữ nước. Đó là cuộc cách mạng "phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới, xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta"². Đó là cuộc cách mạng "phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen và thành

kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm"³. Đó là cuộc cách mạng biến đổi "một xã hội dốt nát, cực khổ thành một nước văn hoá cao và đời sống tươi vui, hạnh phúc"⁴.

Rõ ràng, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội là một khái niệm có nội hàm rộng và sâu, có một ngoại diên bao quát rất nhiều vấn đề, từ lý luận đến thực tiễn, lý tưởng và hiện thực, đạo đức và lối sống, văn hoá và con người. Khái niệm về chủ nghĩa xã hội trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh là một khái niệm đang vận động, ở những tình huống khác nhau, những hoàn cảnh khác nhau và những vấn đề rất khác nhau.

Trước hết, khái niệm chủ nghĩa xã hội trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh như một học thuyết khoa học. Đó là học thuyết gắn liền với tên tuổi của những nhà sáng lập ra nó: C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin. Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa xã hội là tìm hiểu hệ thống các học thuyết về chủ nghĩa xã hội khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin. Vào những năm 20 của thế kỷ XX, Nguyễn Ái Quốc, sau khi tiếp xúc và tìm hiểu

SUY NGHĨ VỀ VAI TRÒ CỦA BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM TRONG XÃ HỘI

THS. DƯƠNG THỊ HẰNG*

Ra đời từ những năm cuối của thế kỷ 20, Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam được đánh giá là có phong cách trưng bày khá hiện đại, nội dung trưng bày giản dị, dễ hiểu. Trong những năm đầu thế kỷ 21, Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam đã có những bước chuyển mình quan trọng, đánh dấu sự đổi mới trong nhận thức và hành động để từng bước tiếp cận với trình độ tiên tiến của bảo tàng các nước trong khu vực và trên thế giới.

Quá trình đó gắn liền với việc đổi mới trong nghiên cứu, sưu tầm, trưng bày chuyên đề và tổ chức các hoạt động xã hội, tạo cho bảo tàng có một sức sống riêng. Có thể kể đến một số cuộc trưng bày chuyên đề sau: "Cuộc sống của phụ nữ làng chài Cửa Vạn" (9/2004); "Thời trang truyền thống phụ nữ Việt Nam và quốc tế" (10/2004); "Nữ chiến sĩ cách mạng trong nhà tù đế quốc" (3/2005); "Đồ chơi và trò chơi truyền thống của trẻ em Việt Nam và quốc tế" (9/2005); "Kỷ vật còn mãi với thời gian" (10/2005); "Trang sức phụ nữ Việt Nam - từ truyền thống đến hiện đại" (3/2006); "Búp bê Nhật Bản" (11/2006); Nghệ thuật sắp đặt "Ai? người quan tâm"

(12/2006); "Những người phụ nữ vượt lên số phận" (3/2007); "Tự hào - Nữ doanh nhân Việt Nam" (10/2007); "Bà Nguyễn Thị Thập - cuộc đời và sự nghiệp" (3/2008) và gần đây nhất là "Gánh hàng rong" (10/2008), "Đổi thay để thay đổi" (11/2009). Mỗi cuộc triển lãm chuyên đề là một thử nghiệm, khám phá khác nhau về việc lựa chọn nội dung trưng bày; cách thức thể hiện; lựa chọn đối tác; tổ chức các hoạt động giáo dục... nhằm thu hút ngày càng nhiều hơn công chúng đến với bảo tàng.

Chúng tôi xin đi sâu phân tích một số trưng bày chuyên đề, đã có những đổi mới trong lựa chọn nội dung, tiếp cận nghiên cứu và thể hiện được sứ mệnh của một Bảo tàng giới. Đồng thời, huy động sự tham gia của mọi tầng lớp nhân dân, các tổ chức, cá nhân vào hoạt động của Bảo tàng, thu hút đông đảo công chúng đến với Bảo tàng.

1. Tạo điều kiện cho chủ thể văn hóa thể hiện tiếng nói của mình

Đây là một đặc trưng cơ bản của các cuộc trưng bày, triển lãm chuyên đề gần đây của Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam.

Tính từ năm 2004 trở lại đây, Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam có 17 triển lãm chuyên đề thì đã

* BẢO TÀNG PHỤ NỮ VIỆT NAM

Quản lý lễ hội truyền thống ở châu thổ Bắc Bộ - qua các văn bản quản lý từ năm 1945 đến 1986

TS. BUI HOAI SON*

Việc quản lý lễ hội không đơn thuần là những vấn đề của thời hiện tại mà nó còn liên quan đến những vấn đề trong quá khứ, hay nói cách khác, một hiện tượng là kết quả của một quá trình. Không phải đến nay việc quản lý lễ hội mới trở thành những vấn đề cần quan tâm. Việc tổ chức lễ hội luôn đặt ra những câu hỏi cho công tác quản lý trong mọi bối cảnh không gian và thời gian, hay nói cách khác, mỗi bối cảnh xã hội, mỗi thời đoạn lịch sử, việc tổ chức và quản lý lễ hội có những vấn đề riêng bên cạnh những vấn đề tương đối chung khác. Ngụ ý trong lý thuyết của chúng tôi là, đối với việc quản lý lễ hội, ở trong những hoàn cảnh lịch sử khác nhau, chúng ta gặp những vấn đề khác nhau và có những cách thức khác nhau. Tuy nhiên, cũng có những vấn đề quản lý lễ hội mà chúng ta đã phải đối mặt từ trước tới nay, không thay đổi qua thời gian, đồng thời cũng có những vấn đề quản lý mới phát sinh từ những bất cập do các biện pháp quản lý cũ để lại.

Do đặc điểm bối cảnh chính trị - kinh tế - xã hội và văn hóa ở mỗi thời kỳ khác nhau nên

nhận thức về lễ hội, vai trò lễ hội đối với xã hội cũng khác nhau, chính vì lẽ đó, các cách thức quản lý lễ hội truyền thống cũng có sự khác biệt nhất định. Trong thời kỳ dân tộc ta dồn sức chống Pháp - Nhật, rồi sau đó đến đế quốc Mỹ, bên cạnh những văn kiện hướng đến mục tiêu cao cả của cả dân tộc là giành lại độc lập, tự do và hạnh phúc cho nhân dân, Đảng và Nhà nước ta đã có những văn kiện liên quan đến công tác quản lý văn hóa.

Một trong những văn bản đầu tiên liên quan và có ảnh hưởng sâu sắc đến công tác quản lý văn hóa nói chung, lễ hội nói riêng chính là *Đề cương Văn hóa Việt Nam năm 1943*. Đề cương văn hóa Việt Nam ra đời trong hoàn cảnh đất nước ta chưa được độc lập, Đảng ta đang tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. "Đây là cuộc cách mạng có nhiệm vụ đánh đổ bọn đế quốc, giải phóng dân tộc, xoá bỏ chế độ phong kiến, giành quyền làm chủ cho nhân dân lao động." [3, tr. 31]. Văn hóa trong bối cảnh đó được xem như một mặt trận trong ba mặt trận: kinh tế, chính trị và văn hóa. Ba nguyên tắc cơ bản trong *Đề cương Văn hóa Việt Nam* (dân tộc hoá, khoa học hoá, đại chúng hoá) đã là kim chỉ Nam cho các công

Tăng cường nhận thức và biện pháp quản lý lễ hội (Một số ý kiến từ tiếp cận quản lý di sản văn hóa phi vật thể)

TS. LÊ THỊ MINH LÝ*

Những ưu thế trong quản lý lễ hội hiện nay
Một là, di sản lễ hội Việt Nam rất giàu có và đa dạng, đặc biệt lễ hội dân gian có một vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa của đất nước. Lễ hội dân gian là nơi thể hiện rất rõ sắc thái văn hóa của từng vùng miền, từng địa phương và từng cộng đồng. Ở đó nhu cầu văn hóa và tâm linh của cộng đồng được thỏa mãn, các truyền thống và phong tục tập quán được duy trì, sáng tạo trong từng không gian văn hóa. Lễ hội là nơi bảo tồn, trao truyền văn hóa giữa các thế hệ. Lễ hội dân gian đã góp phần tạo ra sự đa dạng văn hóa và đó là một kho tàng tài sản quý giá của đất nước. Bởi vậy, cần có hiểu biết đầy đủ về giá trị di sản, ý nghĩa của nó đối với dân tộc để có tâm thế chủ động quản lý lễ hội.

Hai là, người dân Việt Nam - các chủ thể văn hóa từ cá nhân tới cộng đồng rất trân trọng, tâm huyết bảo vệ lễ hội. Trong số họ có những người, những cộng đồng là những di sản sống. Chính họ là người làm nên giá trị lễ hội và quyết định cách thức bảo tồn di sản của họ. Họ là đối tác làm việc với các nhà quản lý văn hóa để bảo vệ lễ hội.

Ba là, chúng ta đã có công cụ pháp lý của quốc gia và quốc tế để bảo vệ lễ hội. Đó là *Luật di sản văn hóa, Công ước quốc tế của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể (2003), Công ước về bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa (2005)* và nhiều

luật có liên quan khác. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật để bảo vệ di sản ngày càng được hoàn thiện nhằm bảo vệ di sản ở tầm quốc gia và quốc tế. Các cơ hội, điều kiện để hội nhập và phát triển đang tạo tiền đề thuận lợi cho việc bảo vệ di sản văn hóa nói chung và di sản lễ hội nói riêng.

Bốn là, chúng ta có các cơ quan quản lý nhà nước, các viện nghiên cứu ở trung ương, mỗi địa phương đều có các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh và thành phố với các đơn vị chuyên môn trực thuộc là các bảo tàng, ban quản lý di tích, trung tâm văn hóa và phòng văn hóa các cấp. Đó là hệ thống cơ quan quản lý văn hóa và thiết chế văn hóa từ trung ương tới địa phương, từ những người làm chính sách ở tầm vĩ mô đến những cán bộ tác nghiệp hướng dẫn hoạt động văn hóa ở cơ sở. Một đội ngũ cán bộ có sức mạnh đã được hình thành và phát triển trong nhiều thập kỷ qua.

Những điểm yếu trong quản lý lễ hội hiện nay

Một là, chúng ta vẫn chưa có cơ sở dữ liệu khoa học đầy đủ và chính xác về lễ hội và các quan điểm tiếp cận đúng để trả lời cho các câu hỏi sau đây:

Chúng ta có những lễ hội gì? Trong số đó thực chất có bao nhiêu lễ hội đáp ứng tiêu chí là di sản văn hóa?

Chúng ta chưa phân loại để xác định chúng ta có trách nhiệm và có khả năng quản lý lễ hội nào? Vai trò, các mức độ quản lý của các cơ quan văn hóa đến đâu?

* PHÓ CỤC TRƯỞNG
CỤC DI SẢN VĂN HÓA

Nghĩ về vương triều Mạc và Thăng Long thuở ấy

T.S. NGUYỄN DOÃN TUÂN - NGUYỄN TUYẾT ANH*

Gần 500 năm qua, sau khi vương triều Mạc sụp đổ đã có không ít sử sách và truyền ngôn từ nhiều hệ qui chiếu khác nhau về vai trò, vị thế của vương triều này trong lịch sử dân tộc, thậm chí có ý kiến phủ nhận vai trò của nhà Mạc.

Trong vài thập niên gần đây, giới học thuật nước nhà đã dựa vào những vấn đề thuộc quy luật tồn tại và phát triển lịch sử gắn liền với vận mệnh dân tộc, lợi ích của nhân dân để nhận hiểu, đánh giá về chính thể của nhà Mạc và các vua Mạc ở thời điểm lịch sử ấy.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin được giải bày một vài ngẫm suy và nhận hiểu về vương triều Mạc cũng như vài nét về Thăng Long xưa.

1. Một vài "nét đẹp" của vương triều Mạc

Trong các bộ chính sử của nhà nước quân chủ Việt Nam, từ "Đại Việt sử ký toàn thư" đời Lê - Trịnh đến "Việt sử thông giám cương mục" đời Nguyễn, cũng như trong quan niệm chính thống của các sử gia đương thời, có ba triều đại bị đặt ra ngoài lề của dòng chính sử, bị coi là "nhuận triều" hay "ngụy triều" vì lẽ "cướp ngôi vua, giết vua thì danh không chính, ngôn không

thuận, vì lẽ nghịch mà lấy được nước, nên không chép là chính thống". Đó là các triều: "nhuận" Hồ, "ngụy" Mạc và "ngụy" Tây Sơn. Khảo sát nghiên cứu về nhà Mạc một cách khách quan cho thấy, triều Mạc đã có những đóng góp đáng được ghi nhận đối với quốc gia dân tộc, dù đã bị bề dày lịch sử phủ lên.

Nhà Mạc là một triều đại được nhân dân đương thời công nhận và ủng hộ. Tác giả *Đại Việt sử ký toàn thư* dù khinh ghét "ngụy triều" Mạc vẫn khách quan ghi nhận: "Tháng 6 Đinh Hợi (1527) Mạc Đăng Dung từ Cổ Trai vào kinh bắt hiếp vua phải nhường ngôi. Bấy giờ thần dân trong nước đều theo Mạc Đăng Dung, đều đón vào kinh sư" (*Đại Việt sử ký toàn thư*, q. 4, tr. 118).

65 năm trị vì ở Đông Kinh cộng với 75 năm tồn tại trên đất Cao Bằng đã xác nhận vương triều Mạc thực sự là một vương triều có một cơ sở kinh tế - xã hội khá vững chắc.

Vương triều Mạc đã từng tạo ra được một xã hội ổn định, no ấm, có kỷ cương và pháp luật. Sách *Ô châu cận lục* có ghi khá cụ thể những cảnh sinh hoạt phồn thịnh của thời kỳ này. Và, ngay tác giả *Đại Việt sử ký toàn thư* và Lê Quý Đôn cũng đã ghi nhận: "Mạc có lệnh cấm các xứ trong ngoài người ta không được cấm giáo

Hà Nam

nhìn từ Thăng Long - Hà Nội

MAI KHÁNH*

Trong chiều sâu/dài của lịch sử, Thăng Long - Hà Nội và Hà Nam có mối quan hệ gắn bó hai chiều, về cả tự nhiên và xã hội, trên trục lịch đại và đồng đại.

Địa chất, núi sông

Hà Nội, Hà Nam nằm trong tam giác châu do sông Hồng và các phụ lưu tạo nên, bề mặt nghiêng từ Tây - Bắc xuống Đông - Nam, địa hình lồi lõm, giới địa chất học đặt tên là "máng trũng Hà Nội" hay "vùng vũng Hà Nội". Vận động kiến tạo hình thành dưới tầng sâu những nếp uốn khúc hình sin tựa như những con rồng đất mềm mại. Có thể gọi một cách hình tượng đó là "những con rồng ẩn tàng", mà các nhà phong thủy xưa, với trực giác siêu nghiệm đã nhận ra ở thế đất của thành Đại La (thời nhà Đường thống trị), rồi kinh đô Thăng Long, Đông Đô, Đông Kinh. Đã có rồng, tất phải có long mạch. Qua sơn danh (tên núi) ta nhận thấy ở xứ Bắc, xứ Đoài, xứ Đông không ngọn núi nào có từ tố "Long". Trung tâm kinh thành có núi "Long Đỗ", tức rốn rồng, quen gọi là núi Nùng - núi Thiêng, nên Lý Thái Tổ (1009 - 1028) đã cho dựng chính điện trên núi, thời Hậu Lê cũng xây dựng điện Kính Thiên ở nơi

này. Từ "rốn rồng", các nhà phong thủy Lý đã tìm long mạch về hướng Nam theo thủy lưu sông Hồng, bên tả ngạn thì không có núi, bên hữu ngạn đột khởi giữa đồng bằng một ngọn núi, độ cao trung bình. Long mạch đến đây đã phát lộ, đầu triều Lý được đặt tên là "Long lĩnh" (ngọn núi rồng), rồi đến vua Lý Nhân Tông, vị thế thăng trỗi thành "Long Đọi sơn" (núi Hàng Rồng). Xa hơn nữa về phía tỉnh Nam Định, chỉ có núi Hổ (xã Kim Thái, Vụ Bản), không có núi rồng nào nữa. Long Đọi sơn, nay quen gọi là Núi Đọi (thuộc xã Đọi Sơn, Duy Tiên).

Thủy văn Hà Nội - Hà Nam thông suốt, liên mạch. Thuở xưa, từ kinh thành Thăng Long có ba đường thủy về phía Nam qua đất Hà Nam: Sông Hồng - Sông Châu - Sông Đáy, Sông Hồng - Sông Đáy, sông Tô Lịch - sông Nhuệ - sông Thiên Mạc - sông Châu - sông Đáy, cuối cùng đều ra biển Đông. Đó là những tuyến giao thông đường thủy quan trọng. Còn về đường bộ, trước khi đường thiên lý (hạ đạo) liên thông, thì tuyến đường ven núi (thượng đạo) giao thông Bắc - Nam và ngược lại men theo chân dải sơn khối đá vôi Kim Bảng, Thanh Liêm.

Lịch sử, văn hoá Hà Nam khởi nguồn từ Thăng Long

* GIÁM ĐỐC BẢO TÀNG HÀ NAM

Mấy lưu ý về Di tích Chiến thắng Xương Giang

NGUYỄN HỮU TOÀN*

Trước hết, cần phải đính chính ngay rằng, gọi "Di tích Chiến thắng Xương Giang" là gọi tắt, còn di tích này có tên gọi đầy đủ và chính xác là: Di tích lịch sử Địa điểm Chiến thắng Xương Giang tại thành Xương Giang (gồm các điểm: Cửa Đông Bắc, Cửa Đông, Cửa Bắc, Cửa Tây Nam, Cửa Nam, Khu trung tâm, Dấu vết tường thành phía Đông, Đoạn sông Xương Giang, Hồ khai quật số 2, Hồ khai quật số 3, Giếng Phủ, Đền thành) xã Xương Giang, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (Quyết định số 293/QĐ - BVHTTDL, ngày 22 tháng 1 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Đây không phải là câu chuyện chữ nghĩa hoặc phép tu từ, mà là vấn đề tên gọi chính xác, theo đó, là việc xác định chính xác loại hình, giá trị của di tích, cơ sở của toàn bộ các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

1. Theo Điều 13 của Nghị định số 92/2002/NĐ - CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa, thì, "Căn cứ vào tiêu chí quy định tại Điều 28 Luật di sản văn

hóa, di tích được phân loại như sau:

1. Di tích lịch sử (di tích lưu niệm sự kiện, di tích lưu niệm danh nhân);
2. Di tích kiến trúc nghệ thuật;
3. Di tích khảo cổ;
4. Danh lam thắng cảnh".

Và theo Điều 29 của Luật di sản văn hóa - đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10, điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa, các đối tượng được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh (gọi chung là di tích), bao gồm:

- Công trình xây dựng, địa điểm ghi dấu sự kiện, mốc lịch sử quan trọng (gắn với địa phương, quốc gia hoặc danh nhân).
- Công trình kiến trúc, nghệ thuật, quần thể kiến trúc, tổng thể kiến trúc đô thị và địa điểm cư trú (có giá trị trong phạm vi địa phương hoặc quốc gia).
- Địa điểm khảo cổ (có giá trị trong phạm vi địa phương, quốc gia hoặc quốc tế)
- Cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc, nghệ thuật (có giá trị trong phạm vi địa phương, quốc gia hoặc quốc tế).

Hội làng Gia Ninh

NGUYỄN XUÂN CƯỜNG

1- Gia Ninh - văn hóa dân gian đậm đặc

Làng Gia Ninh có một bề dày lịch sử đáng ghi nhận: thời Hùng Vương thuộc bộ Văn Lang; thời Đường thuộc huyện Bạch Hạc; trong các triều đại độc lập tự chủ sau đó thuộc huyện Hưng Hóa. Hiện nay, làng cổ Gia Ninh thuộc xã Thanh Đình, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Theo các tài liệu lịch sử, làng Gia Ninh nằm phía Đông Nam đến Hùng (núi Nghĩa Lĩnh), cách đến 3km theo đường chim bay, cách thành phố Việt Trì (tỉnh Phú Thọ) về hướng Tây Bắc là 2,5km. Qua những cuộc khai quật khảo cổ tại Gò De của làng Gia Ninh thì, năm 1994 chúng ta tìm thấy một chiếc thạp đồng cùng một số đồ vật khác, năm 2003, tại cuộc khai quật lần thứ hai, các nhà khảo cổ đã tìm thấy dao găm, một số công cụ khác được xác định là niên đại đồ đồng thời kỳ văn hóa Gò Mun.

Làng cổ Gia Ninh xưa nay là Thanh Đình được tự nhiên ưu đãi nhiều. Về địa hình, Gia Ninh chủ yếu là địa hình đồi gò nhấp nhô, có độ cao trung bình từ 20 đến 200m, rất thuận lợi cho những cây ngắn ngày (sắn), những cây ăn quả (mít, bưởi,...), cây lấy gỗ (bạch đàn, keo, xà cừ,...).... Về đất đai, Thanh Đình chủ yếu có loại đất Fe đỏ, tương đối nghèo chất dinh

dưỡng, còn pha thêm đá sỏi khó canh tác. Tuy nhiên, người Thanh Đình cần cù, chăm chỉ, khéo léo nên đã biến những khó khăn của thiên nhiên thành những điểm ưu ái mà tạo hoá ban tặng. Họ đã xẻ đồi, san các thung lũng thành những con đường nối văn minh vào tận thôn xóm. Đất đai bạc màu, nghèo dinh dưỡng đã được họ biến thành những cánh đồng xanh màu mỡ giàu sức sống. Họ đã trở thành chủ nhân của nền văn hoá xa xưa, lạc quan trong cuộc sống.

Về văn hoá dân gian, làng cổ Gia Ninh có rất nhiều truyền thuyết về các địa danh liên quan tới thời kỳ khởi nguyên Nhà nước Văn Lang, như Rừng Quân, gắn liền với truyện kể về Hùng Vương thứ sáu đưa quân về rừng đó để tập luyện và săn bắn... Oa Nhà Nít có nghĩa là ngôi nhà gắn liền với tiếng khóc chào đời của cháu ngoại Hùng Vương. Theo dân sở tại, đó là cái bồn nước để tắm, rửa cho trẻ sơ sinh. Tên địa danh này là một khu đất trũng, nằm trên gò thấp của xã, tương truyền về tên gọi này như sau: Vào thời Hùng Vương có người con gái kết hôn với chàng Sơn Tinh, khi thấy mình sắp tới ngày chuyển dạ, vội vã về nhà chồng. Nhưng Mị Nương mới đi tới Gia Ninh thì chuyển dạ, không kịp về nhà, dân làng này thấy vậy vội lập nên một gian nhà

